

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11-5-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 559/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1987; Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1979; Vắng mặt.

Cư trú tại: Khu phố B, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Trảng Bàng. Sau khi cưới, vợ chồng chị xây nhà riêng sinh sống tại khu phố B, phường T. Chị làm công nhân, anh N làm tài xế. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011, nguyên nhân là do vợ, chồng chị có mâu thuẫn về kinh tế chi tiêu trong gia đình và giữa

chị và gia đình chồng cũng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp với nhau. Anh N thường đi uống rượu với bạn bè, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi, thường hăm dọa sẽ đánh chị. Anh N có tính gia trưởng, không tôn trọng chị, chỉ làm theo ý mình mà không nghe ý kiến của chị, thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vào năm 2017, chị đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn anh N nhưng khi Tòa án hòa giải, anh N hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn khỏi kiện. Tuy nhiên, khi vợ chồng về chung sống lại với nhau thì anh N vẫn không thay đổi, do đó, chị không còn lòng tin và tình cảm đối với anh N. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ tháng 8-2020 đến nay. Khi ly thân, chị dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống tại khu phố B, phường T. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Phạm Chí K, sinh ngày 24-8-2009 và cháu Phạm Chí C, sinh ngày 07-8-2011. Trước đây cháu K và cháu C sống cùng vợ chồng chị nhưng vào khoảng tháng 9-2020, chị đã gửi cháu K và cháu C về nhà mẹ ruột của chị sinh sống tại thôn P, xã U, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Cháu K và cháu C rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K và cháu C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – anh Phạm Văn N trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 10 năm 2020:

Anh thống nhất với lời khai của chị H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn và nơi cư trú của vợ chồng sau khi kết hôn. Tuy nhiên, vợ chồng anh bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vào tháng 6-2020, nguyên nhân là do vợ chồng anh có mâu thuẫn về kinh tế chi tiêu trong gia đình. Ngoài ra, do tính chất công việc nên anh thường xuyên đi làm vắng nhà, ít quan tâm lo lắng cho vợ, con. Do tính tình của vợ chồng đều trầm kín, không thường nói chuyện với nhau nên không thể hiểu và thông cảm cho nhau. Anh thừa nhận vì công việc nên anh thường đi uống rượu với bạn bè và khi gia đình xảy ra vấn đề thì anh cũng có 01-02 lần không nghe ý kiến của chị H nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H. Vợ chồng anh đã tự ly thân từ tháng 8-2020 đến nay, chị H đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Nay anh không đồng ý ly hôn chị H, yêu cầu được đoàn tụ cùng chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Phạm Chí K, sinh ngày 24-8-2009 và cháu Phạm Chí C, sinh ngày 07-8-2011. Hiện tại cháu K và cháu C đang sống cùng mẹ ruột của chị H. Nếu Tòa án xét xử cho anh và chị H ly hôn,

anh yêu cầu chị H giao cháu K và cháu C cho anh được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị H đối với anh Phạm Văn N. Chị H được ly hôn anh N.

Về con chung: Giao chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Chí K, sinh ngày 24-8-2009 và Phạm Chí C, sinh ngày 07-8-2011. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh N chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Trảng Bàng. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn về kinh tế chi tiêu trong gia đình, giữa vợ chồng không thường xuyên chia sẻ, giao tiếp với nhau nên không thể hiểu và thông cảm cho nhau. Vợ chồng chị H, anh N đã tự ly thân từ tháng 8-2020 đến nay. Nay chị H yêu cầu được ly hôn anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ cùng chị H. Tuy nhiên, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt, triệu tập hợp lệ anh

N nhiều lần để tham gia các phiên họp hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng anh N đều vắng mặt, cho thấy anh N không có thiện chí hàn gắn cùng chị H. Mặt khác, vào năm 2017, chị H đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh N, sau đó chị H đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, chung sống lại với nhau nhưng sau khi đoàn tụ thì giữa vợ chồng chị H, anh N lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống hòa hợp với nhau. Tại phiên tòa, chị H xác định không còn lòng tin và tình cảm đối với anh N, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn được và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh N, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị H và anh N đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N, cho chị H được ly hôn anh N là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Phạm Chí K, sinh ngày 24-8-2009 và cháu Phạm Chí C, sinh ngày 07-8-2011 hiện đang theo sống cùng mẹ ruột của chị H. Khi ly hôn, chị H và anh N đều có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu C. Xét thấy, từ khi chị H và anh N ly thân, chị H đã đưa cháu K và cháu C về sống cùng mẹ ruột của chị H tại thôn P, xã U, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, các cháu phát triển rất tốt về thể chất lẫn tinh thần và hiện tại cháu K và cháu C đang được đi học ổn định. Bên cạnh đó, cháu K và cháu C cũng có ý kiến mong muốn được sống cùng chị H và bà ngoại. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K và cháu C cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị H đối với anh Phạm Văn N.

Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Chí K, sinh ngày 24-8-2009 và cháu Phạm Chí C, sinh ngày 07-8-2011 cho chị Đỗ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014682 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị H có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư